

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phạm

2. Ông Lê Thành Tam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Thạch Thị L trình bày:

Vào năm 2002 bà L và ông D qua quen biết nên đã kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/9/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01/09. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lê Văn Tuấn P, sinh ngày 08/5/2005.

Trong thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau thường xuyên cãi vã, ông **D** thường xuyên nhậu về quây gia đình, ông **D** có đánh bà **L**. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, nên đến tháng 8/2023 bà **L** bỏ đi về cha mẹ ruột ở **thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh** sinh sống và ly thân kể từ đó cho đến nay không có đoàn tụ trở lại, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên bà **L** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **L** yêu cầu được ly hôn với ông **Lê Văn D**.
- Về con chung: Con chung tên **Lê Văn Tuấn P**, sinh ngày 08/5/2005 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông **Lê Văn D** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **L** và ông **D** chung sống có đăng ký kết hôn. Ông **D** thừa nhận trong thời gian chung sống với bà **L** có xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, trước đây ông **D** cũng có nhậu về quây gia đình và do nóng tánh nên cũng có lần ông **D** đánh bà **L**, mâu thuẫn kéo dài nên đến tháng 8/2023 bà **L** bỏ đi về cha mẹ ruột ở **thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh** sinh sống và ly thân kể từ đó cho đến nay không có đoàn tụ trở lại. Tuy nhiên ông **D** không đồng ý ly hôn, vì ông **D** còn thương vợ nên muốn đoàn tụ trở lại.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà **L** ly hôn thì ông **D** có ý kiến như sau:

- Về con chung: Con chung tên **Lê Văn Tuấn P**, sinh ngày 08/5/2005 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại **xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa bà **L** và ông **D** chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **A**, huyện **M**, tỉnh **Vĩnh Long**. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà **L** và ông **D** là hợp pháp. Bà **L** cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, ông **D** có đánh bà **L**, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **L** bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ở thị trấn **C**, huyện **C**, tỉnh **Trà Vinh** sinh sống và ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay là có xảy ra trên thực tế. Bởi sự việc cũng được ông **D** thừa nhận nhưng ông **D** không đồng ý ly hôn vì ông **D** vẫn còn thương bà **L**, muốn đoàn tụ trở lại để xây dựng gia đình hạnh phúc, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà **L** vẫn cương quyết ly hôn với ông **D**. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa bà **L** và ông **D** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà **L** yêu cầu được ly hôn với ông **D** là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên **Lê Văn Tuấn P**, sinh ngày 08/5/2005 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

[2.3] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Thạch Thị L**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn bà **Thạch Thị L** được ly hôn với bị đơn ông **Lê Văn D**.

2. Về con chung: Con chung tên **Lê Văn Tuấn P**, sinh ngày 08/5/2005 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

3. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0005680 ngày 06/3/2024. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã An Phước, huyện Mang Thít;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích